

Bản án số: 04/2022/DSST

Ngày: 19/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Viết Côi, Ông Nguyễn Hạ Tuấn
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tường Thị Lan, Cán bộ TAND

huyện UH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thuyên, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLST-DS ngày 08/12/2021 về: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Đức V, sinh năm 1952 (chết năm 2021);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (đồng thời là nguyên đơn);
- Anh Trần Đức Q, sinh năm 1979;
- Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1980;
- Anh Trần Đức Ng, sinh năm 1984;

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(anh Q, chị N, anh Ng đều ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tại Tòa; bà H, bà L đều vắng mặt)

NHẬN THẤY:

* *Theo Đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai cùng các chứng cứ, tài liệu khác*

có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Về mối quan hệ: bà và bà Trần Thị H chỉ là hàng xóm, không có quan hệ họ hàng gì.

CH bà là Trần Đức V, chết năm 2020;

Vợ CH bà có 03 người con: Trần Đức Q, sinh năm 1979; Trần Thị Thanh N, sinh năm 1980; Trần Đức Ng, sinh năm 1984; đều có chỗ ở hiện nay: thôn TK, xã DB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Số tiền bà cho bà Trần Thị H vay là tiền chung của vợ CH bà.

Ngày 23/8/2018 âm lịch, vợ CH bà có cho bà Trần Thị H – sinh năm 1962, là người cùng làng, vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*). Việc vay nợ này được lập thành Giấy Vay Tiền do chính tay bà H viết, có đầy đủ chữ ký của người vay tiền là bà Trần Thị H, người cho vay là bà – Nguyễn Thị L, người làm chứng – Trần Thị D là người cùng làng, trong đó có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng (tức 2.000.000 đồng/tháng), không có thỏa thuận về thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà cần, báo thì bà H sẽ trả Nợ cho bà. Bà trực tiếp giao tiền cho bà H nhận tại nhà. Ngày 29/8/2018 bà H trả cho bà 2.000.000 đồng tiền lãi của tháng 9/2018; tiếp theo ngày 16/12/2018 bà H tiếp tục trả bà 4.000.000 đồng là tiền lãi của tháng 10 và tháng 11. Kể từ sau đó, nhiều lần bà gặp yêu cầu bà H trả nợ cho bà nhưng bà H không trả thêm bất kỳ đồng nợ gốc hay nợ lãi nào cho bà. Bà làm đơn ra thôn yêu cầu giải quyết; Bí thư kiêm trưởng thôn đã gọi hai bên đến làm việc, bà H thừa nhận nợ và hứa hẹn cuối năm 2020 sẽ trả nợ cho bà. Tuy nhiên, cho đến nay bà H vẫn chưa trả nợ cho bà.

Bà H vay tiền gửi cho con dâu để mua nhà. Việc vay nợ này CH bà H không biết. Chỉ có một mình bà H giao dịch vay tiền với bà.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà, bà làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện UH đề nghị:

- Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm trả Nợ cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi thanh toán trả bà toàn bộ khoản nợ trên với lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trường hợp bà H không trả nợ cho bà thì bà được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản của bà H để thu hồi nợ cho bà.

** Theo Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà là hàng xóm của bà Nguyễn Thị L. Bà xác*

nhận ngày 23/8/2018 âm lịch bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị L, số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Việc vay nợ này có được lập Giấy vay nợ ngày 23/8/2018 âm lịch, có đủ chữ ký của Người cho vay là bà Nguyễn Thị L, Người vay là bà – Trần Thị H, có sự chứng kiến của bà Trần Thị D là người cùng làng. Với thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, một tháng trả lãi một lần. Sau đó, bà có trả được cho bà L số tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn) vào ngày 29/8/2018 và 16/12/2018. Sau đó, kể từ năm 2019 đến nay tôi không trả được tiền lãi hay tiền nợ gốc nào cho bà L. Việc vay nợ này chỉ có một mình bà biết, cH bà không có liên quan gì. Bà vay tiền cho con dâu bà chung vốn làm ăn với em bà Trần Thị D nhưng không may bị thua lỗ nên không có tiền đưa bà trả nợ cho bà L. Hiện nay, bà xác nhận còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi kèm theo từ năm 2019 cho đến nay.

Nay, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả nợ gốc và lãi, quan điểm của bà: đề nghị bà L xem xét miễn tiền nợ lãi cho bà, về khoản tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) bà đề nghị bà L cho bà thêm thời gian, khi nào các con bà có tiền đưa cho bà thì bà sẽ trả nợ cho bà L.

Vì tuổi bà cao, sức khỏe kém, đau lưng, đường lại xa nên bà có quan điểm xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa án, bà xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa bà và bà L, cũng không tiến hành phiên họp công khai việc kiểm tra, tiếp cận chứng cứ.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng bà Trần Thị D trình bày:* về mối quan hệ, bà là người cùng làng với bà L và bà H. Bà xác nhận ngày 23/8/2018 âm lịch bà có chứng kiến việc bà Trần Thị H vay tiền của bà Nguyễn Thị L, số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Việc vay nợ này có lập thành văn bản Giấy vay tiền có đủ chữ ký của bên cho vay – bà Nguyễn Thị L; bên vay – bà Trần Thị H, người làm chứng – tôi là Trần Thị D. Giấy vay tiền này do đích thân bà H tự tay viết, trong đó có thỏa thuận trả lãi là 1%/tháng, một tháng trả lãi một lần.

Sau đó, bà H không trả được tiền cho bà L nên bà L có đơn gửi ông trưởng thôn đề nghị giải quyết. Ngày 24/7/2021 ông Cao Xuân Hồ - Bí thư kiêm trưởng

thôn TK là chủ trì cuộc họp có mời bà lên làm việc với tư cách Người làm chứng. Tại cuộc họp có sự chứng kiến của ông Cao Xuân Hồ, ông Đặng Văn Thìn – khi đó là Phó trưởng thôn TK và là thư ký cuộc họp, ông Phan Văn Minh – công an viên xã DB, cùng sự có mặt của bà L và bà H. Tại buổi làm việc, bà H có xác nhận việc vay nợ bà L như nêu trên và xác nhận hiện còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn về tiền nợ lãi như nào bà không biết; bà H cũng xác nhận đã trả bà L 02 lần tiền nợ lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng vào ngày 29/8/2018 và 16/12/2018. Theo bà được biết, bà H vay tiền của bà L để gửi vào cho con ở trong miền Nam.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ, quan điểm bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Theo Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông Cao Xuân Hồ trình bày:* hiện ông đang là Bí thư kiêm trưởng thôn TK, xã DB, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Ngày 04/7/2021 bà L có đơn gửi đến thôn đề nghị giải quyết việc bà H còn nợ tiền vay của bà L chưa trả. Theo đó, ngày 24/7/2021 ông tổ chức cuộc họp có sự chứng kiến của ông Đặng Văn Thìn – khi đó là Phó trưởng thôn TK, ông Phạm Văn Minh – Công an viên xã DB, bà Trần Thị D là người cùng làng, cùng sự có mặt của bà L và bà H. Tại cuộc họp, bà H thừa nhận việc vay nợ như bà L trình bày, cụ thể: ngày 23/8/2018 âm lịch, bà H vay của bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); ngày 29/8/2018 đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi; ngày 16/12/2018 đã trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, bà H không tiếp tục trả nợ cho bà L nữa. Bà H xác nhận hiện còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), về nợ lãi giữa hai bà, ông không biết. Nay bà L khởi kiện bà H yêu cầu trả nợ, quan điểm ông: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: anh Q, chị N và anh Ng đều ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng; bà L và bà H đều vắng mặt. Không ai xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH có quan điểm về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự được trình bày ý kiến, quan điểm của mình; tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không hòa giải được do nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị tòa án

không tiến hành hòa giải, bị đơn xin vắng mặt tại buổi hòa giải. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán Nợ cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L và bị đơn – bà Trần Thị H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, tiền án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng; Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn – bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn – bà H phải thanh toán Nợ cho bà số tiền nợ gốc chưa trả là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L có nộp cho Tòa án 01 Giấy vay tiền ngày 23/8/2018 âm lịch. Bà H thừa nhận Giấy vay tiền này là đúng và cũng thừa nhận có vay tiền của bà L theo giấy vay tiền này, và hiện nay còn nợ bà L tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*), do đó, Hội đồng

xét xử nhận thấy yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà L hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

Ngoài ra, về khoản tiền nợ lãi bà L có yêu cầu bà H phải trả tính từ ngày 01/01/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H thừa nhận mới chỉ trả 6.000.000 đồng tiền lãi cho bà L vào ngày 29/8/2018 và 16/12/2018; khoản tiền lãi này là của tháng 9, 10 và 11 năm 2018, sau đó bà H không tiếp tục trả lãi cho bà L được nữa; bà H cũng thừa nhận khi vay tiền, bà và bà L có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng, trả lãi mỗi tháng một lần. Nay bà L yêu cầu bà phải trả lãi, bà có quan điểm do bà vay tiền chuyển cho con dâu chung vốn làm ăn nhưng không may bị thua lỗ nên không có tiền chuyển cho bà để trả nợ cho bà L, nên đề nghị bà L miễn tiền lãi cho bà. Tuy nhiên, việc yêu cầu trả lãi là của bà L, nghĩa vụ trả lãi là của bà H, đồng ý miễn lãi cho bà H hay không cũng là quyền của bà L. Tại Giấy vay tiền, bà L và bà H có thỏa thuận với nhau về lãi suất là 1%/tháng (tức 12%/năm), nay bà L chỉ yêu cầu bà H phải trả tiền nợ lãi cho bà theo mức lãi suất 10%/năm, việc này có lợi cho bà H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu trả tiền lãi của bà L với mức lãi suất 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với lợi ích của bà H nên được chấp nhận.

Việc vay nợ giữa bà H và bà L, chồng bà H không biết, bà L cũng không yêu cầu chồng bà H phải trả nợ cho bà L nên chồng bà H không có nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Nguồn tiền bà L cho bà H vay là tiền chung của vợ chồng bà L. Chồng bà L là ông Trần Đức V, đã chết năm 2021. Theo kết quả xác minh UBND xã ĐB cung cấp: những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời là hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm có: bà Nguyễn Thị L – vợ ông V (đồng thời là nguyên đơn); 03 con chung của ông V với bà L: Anh Trần Đức Q, sinh năm 1979; Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1980; Anh Trần Đức Ng, sinh năm 1984; Đều có nơi ĐKKTTT: thôn TK, xã ĐB, huyện UH, thành phố Hà Nội. anh Q, chị N và anh Ng đều ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tại Tòa án và đều không có ý kiến gì khác.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho bà L số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ

ngày 01/01/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà L được chấp nhận, số tiền là: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*).

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 278, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ Luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán Nợ cho bà Nguyễn Thị L khoản tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến khi thanh toán hết khoản nợ, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bà H không trả nợ cho bà L, thì bà L được quyền làm đơn đến Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu thi hành án bất kỳ tài sản nào của bà H để thu hồi nợ cho bà L theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày

bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) đối với người vắng mặt. /.

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA H.UH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; v/p.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa